

Bản án số: 51/2018/HSST

Ngày 13/03/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân

Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Hữu Trường và bà Trần Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Cương – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa:

Ông Lê Mạnh Tuấn - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 13/03/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2018/TLST-HS ngày 01/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/QĐXXST-HS ngày 02/3/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn M, sinh năm 1961

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; Trình độ học vấn: 04/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1930 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1932; Có vợ là Nguyễn Thị L2, sinh năm 1962 và 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tháng 11/1978 nhập ngũ phục vụ Quân đội nhân dân Việt Nam; Tại bản án số 11/1991/HSST ngày 06/02/1991 TAND huyện T, tỉnh H Bắc (Nay là huyện T, tỉnh Bắc Ninh) xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến 15/12/2017, hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đức H, sinh năm 1969

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; Trình độ học vấn: 07/10; Nghề nghiệp: Tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1929 và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1933; Có vợ là Bạch Thị Đ, sinh năm 1972 và 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 02/8/2000 bị Chủ tịch UBND huyện T xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức phạt tiền 500.000đ, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến 15/12/2017, hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đức Q, sinh năm 1981

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1955; Có vợ là Nguyễn Thị H2, sinh năm 1982 và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến 15/12/2017, hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Sỹ H, sinh năm 1980.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Sỹ Ph, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1942; Có vợ là Phạm Thị L, sinh năm 1985 và 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến 15/12/2017, hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn T, sinh năm 1966

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; Trình độ học vấn: 07/10; Nghề nghiệp: Tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1931 (Đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 và có 03 con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến 15/12/2017, hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ, ngày 12/12/2017, Nguyễn Văn M đã gọi điện rủ Nguyễn Đức H, Nguyễn Sỹ H, Nguyễn Đức Q và Nguyễn Văn T đến nhà M tại thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh để chơi đánh bạc bằng hình thức đánh chắn sát phạt nhau bằng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam. M là người chuẩn bị dụng cụ như 01 đĩa sứ màu trắng, 02 bộ bài chắn, 01 thảm và chia bài cho H, Q, H, T trực tiếp chơi bạc. Đến chơi bạc H mang theo số tiền 4.652.000đ, Q 3.000.000đ, H 1.400.000đ và T 1.300.000đ.

Cách thức đánh bạc và mức độ sát phạt được các đối tượng quy ước như sau: Những người chơi sử dụng bộ bài chắn, gồm 100 quân (trong đó: có 04 quân chi chi và các hàng: Nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu mỗi hàng có 12 quân, chia làm 03 loại: Vạn, văn, sách, mỗi loại có 04 quân). Khi chơi 04 người chơi ngồi quây tròn, mỗi người chơi được chia 19 quân, còn lại 24 quân để úp trên đĩa sứ giữa chiếu bạc gọi là “Lọc”. Khi bắt cái thì người bắt lấy một quân từ “Lọc” để bắt và người được cái có 20 quân được đánh đầu tiên. Người này đánh đi một quân trên bài cho người ngồi cạnh bên tay phải của mình. Người bên tay phải của người đánh nếu ăn được thì cầm quân đó về đặt trước vị trí mình ngồi và hạ một quân trên bài xuống, để chồng lên quân vừa ăn được thành “chắn” hoặc “cạ”. Nếu không ăn được thì bốc một quân ở dưới bài “Lọc” lên. Nếu quân bài bốc lên ăn được thì hạ một cây trên bài của mình xuống và phải đánh đi một quân trên bài đi đúng vào chỗ cây vừa ăn, nếu không ăn được thì người tiếp theo bên tay phải được xử lý quân bài đó tương tự như người trước. Cứ như vậy lần lượt cho đến khi có người nào ù hoặc đến khi hết các quân bài ở “Lọc” thì kết thúc ván chơi. Trong quá trình chơi nếu

người nào đánh hoặc bốc cây bài ở “Lọc” lên mà không ai ù thì người nào trên bài có 03 quân bài giống nhau cùng hàng, cùng loại với quân bài đánh ra hoặc bốc ở “Lọc” lên thì được phép “chúu” ở tất cả các cửa và phải đánh trả một cây về chỗ cây vừa chúu, cây người chúu đánh ra thì không ai được ù (trừ chúu ù). “Chấn” là hai quân bài giống nhau, cùng hàng, cùng loại. “Cạ” là hai quân bài cùng hàng nhưng khác loại. Khi ù bài phải đủ ít nhất là 06 chấn còn lại là các cạ. Việc tính tiền cho mỗi ván chơi phụ thuộc vào người ù có nhiều cước hay ít cước, được ba người còn lại trả tiền theo cước của ván ù mà người ù đã hô.

Cách ù và cách tính tiền cho một số thể loại ù được người chơi quy định “Xuông” 40.000đ và “Dịch” 20.000đ cụ thể như sau: “Ù xuông” là 40.000đồng; “Ù chì bạch thủ” là 100.000đồng; “Ù có Tôm” là 60.000đồng, ù có 2 tôm là 80.000đồng; “Ù có lèo” là 80.000đồng, ù có hai lèo là 100.000đồng; “Ù tám đỏ” là 120.000đồng, ù tám đỏ có lèo là 140.000đồng, ù tám đỏ có hai lèo là 160.000đồng; “Ù thông” được tính là 60.000đồng; “Ù có chúu” là 60.000đồng; “Ù có ăn bòn” là 60.000đồng; “Ù có thiên khai” là 60.000đồng; “Ù bạch định” là 100.000đồng; “Ù bạch định tôm” là 120.000đồng, bạch định 2 tôm là 140.000đồng; “Bạch thủ ù chì” là 80.000đồng; “Ù chì có lèo” là 100.000đ, ù chì có 2 lèo là 120.000đồng.

Người ù đúng thì được thu tiền của ba người còn lại tương ứng với bài ù đã xướng, nếu ù sai thì phải đền cho ba nhà số tiền tương ứng cho mỗi người như đã xướng.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút, cùng ngày, khi các đối tượng đang sát phạt lẫn nhau thì Công an huyện Tiên Du bắt quả tang, thu giữ: Số tiền 11.552.000 đồng Trong đó: Thu giữ trên chiếu bạc là 6.400.000 đồng; Thu giữ trên người: Nguyễn Đức H 3.152.000 đồng, Nguyễn Đức Q 2.000.000 đồng; 02 bộ bài chắn, mỗi bộ có 100 quân bài, 01 bộ bài mặt sau màu trắng; 01 bộ bài mặt sau màu sọc xanh; 01 đĩa sứ màu trắng có đường kính 15cm; 01 chiếu thảm vải màu vàng, kích thước (2.06 x 2.7)m; Thu giữ của Nguyễn Văn T: 01 xe máy nhãn hiệu Wave RSX màu trắng, BKS: 99C1-067.65, số khung: RLHJC5222CY614710, số máy: JC52E5035812; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Grand Prime,

vỏ dán màu trắng, số IMEI: 354621076272561, màn hình bị nứt, kèm theo 01 sim Viettel; Thu giữ của Nguyễn Sỹ H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu đen, số IMEI: 013408004758371, kèm theo 01 sim Vinaphone; Thu giữ của Nguyễn Đức Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, số IMEI: 013631006862558, kèm theo 01 sim Viettel.

Nguyễn Đức H đã giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, màu trắng, mặt sau vỏ điện thoại có in chìm IMEI: 354621076272561, kèm theo 01 sim Viettel; Nguyễn Văn M giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar B247, vỏ màu đen, IMEI: 352247020344413, kèm theo 01 sim Vinaphone.

Cáo trạng số: 10/CTr-VKS ngày 31/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du truy tố Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức H, Nguyễn Đức Q, Nguyễn Sỹ H và Nguyễn Văn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà bị cáo M đã khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 12/12/2017 bị cáo đã dùng điện thoại di động Mobiistar B247 có số thuê bao 0917.792.234 gọi cho H, Q, H, T đến nhà M để “Đánh chắn” ăn tiền. Bị cáo chuẩn bị 02 bộ bài khác màu, 01 đĩa sứ để bài lọc và thăm trải sàn cho các con bạc ngồi chơi bạc. Bị cáo ngồi chia bài cho H, Q, H và T trực tiếp chơi. Khi chơi người chơi nào sẽ bỏ ra 10.000đ hoặc 20.000đ cho M, đến khi bị bắt số tiền bị cáo sẽ được hưởng là 130.000đ. Số tiền này thu trong tổng số tiền thu tại chiếu bạc 6.400.000đ. Bị cáo còn bị thu giữ 01 điện thoại di động Mobiistar B247.

Bị cáo H khai nhận: Sau khi nhận điện thoại của M bị cáo đã đi bộ đến nhà M để chơi bạc. Bị cáo mang theo tổng số 4.652.000đ. Khoảng 12 giờ 45 phút bắt đầu chơi, bị cáo bỏ ra 1.500.000đ số còn lại để trong người. Nếu bị thua hết số 1.500.000đ sẽ bỏ tiếp số tiền trong người ra chơi tiếp. Bị cáo còn tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 5s. Đây là chiếc điện thoại bị cáo đã sử dụng nghe M rủ đến nhà M đánh chắn

Bị cáo Q khai nhận: Bị cáo mang theo 3.000.000đ đến nhà M chơi bạc. Khi vào chơi đánh bạc bị cáo bỏ ra 1.000.000đ để trên chiếu trước mặt còn số tiền 2.000.000đ để trong ví. Nếu bị thua hết số tiền 1.000.000đ sẽ bỏ tiếp số tiền trong

vi ra chơi nhưng khi bị bắt bị cáo chưa sử dụng đến số tiền 2.000.000đ trong ví. Bị cáo đã giao nộp cả số tiền 2.000.000đ và 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng

Bị cáo H khai nhận có 1.400.000đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ bị cáo giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 5 màu đen. Đây là chiếc điện thoại bị cáo sử dụng nghe M gọi rủ đi đánh bạc ngày 12/12/2017 tại nhà M.

Bị cáo T khai nhận: Sau khi nhận điện thoại của M rủ đến nhà M đánh bạc, bị cáo đã mượn xe máy của con dâu đi đến nhà M. Khi mượn xe bị cáo nói với con dâu là đi có việc. Bị cáo mang theo 1.300.000 đồng. Khi bị bắt bị cáo còn lại 1.000.000đ để trên chiếu và bị thu giữ cùng 01 điện thoại di động Samsung galaxy grand prime màu trắng; 01 xe moto Honda Wave RSX biển kiểm soát 99C1-069.65

Đại diện VKSND huyện Tiên Du giữ quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức H, Nguyễn Đức Q, Nguyễn Sỹ H và Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt Nguyễn Đức H từ 05 tháng đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt: Nguyễn Đức Q, Nguyễn Sỹ H và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo từ 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng, buộc các bị cáo phải nộp số tiền này một lần.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 11.552.000 đồng và 05 chiếc điện thoại di động thu của các bị cáo

Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài chắn; 01 chiếc thảm vải màu vàng có kích thước khoảng (2,06 x 2,7) mét; 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 15cm.

Các bị cáo không tham gia tranh luận gì với quan điểm của Kiểm sát viên. Các bị cáo chỉ xin hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 12/12/2017, tại ngôi nhà của Nguyễn Văn M ở thôn B, xã L Nguyễn Văn M đã chuẩn bị dụng cụ và ngồi chia bài để H, Q, H, T cùng nhau đánh bạc bằng hình thức đánh chắn sát phạt nhau bằng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 11.552.000đ. Bị cáo M không trực tiếp chơi bạc nhưng là người rủ, chuẩn bị dụng cụ và giúp sức chia bài cho các con bạc. Hành vi của M là hành vi “Gá bạc” nhưng với qui mô đám bạc này không lớn. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du truy tố và đề nghị xét xử bị cáo M, H, Q, H và T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn chính xác có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi đã xâm hại đến trật tự an toàn xã hội gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân tại địa phương. “Đánh bạc” là một tệ nạn xã hội cần phải loại bỏ khỏi đời sống cộng đồng. Trong giai đoạn hiện nay khi toàn xã hội đang ra sức xoá bỏ các tệ nạn ra khỏi cộng đồng thì các con bạc lại ngang nhiên

thực hiện hành vi “Đánh bạc” gây bức xúc, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân. Điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo. Mặt khác, cũng chính vì việc đánh bạc nếu không được ngăn chặn kịp thời sẽ là nguyên nhân của các loại tội phạm khác như trộm cắp, cướp tài sản... Vì vậy cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung góp phần ổn định trật tự trị an tại địa phương, tạo niềm tin trong quần chúng nhân dân.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc do ham mê mà rủ rê tụ T với nhau, không hề có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, phân công vai trò vị trí của từng người khi chơi bạc.

Bị cáo M là người sử dụng ngôi nhà của M làm địa điểm để các đối tượng cùng thực hiện hành vi đánh bạc đồng M cũng là người chuẩn bị dụng cụ phục vụ cho việc đánh bạc và chia bài cho các con bạc để hưởng lợi từ những ván bài “ù to” từ 10.000đồng đến 20.000đồng. Vì vậy M giữ vai trò chính, nếu không có M các con bạc sẽ không thực hiện được hành vi đánh bạc. Trong số các đối tượng trực tiếp đánh bạc, bị cáo H là người có số tiền đánh bạc nhiều nhất 4.652.000đồng, tiếp đến là bị cáo Q 3.000.000đồng, bị cáo H 1.400.000đồng và bị cáo T 1.3000.000đồng.

Xét nhân thân các bị cáo thì thấy:

Đối với bị cáo M: Tại bản án số 11/1991/HSST ngày 06/02/1991 TAND huyện Tiên Sơn, tỉnh H Bắc (Nay là huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh) xử phạt Nguyễn Văn M 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 tháng về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Cơ quan Điều tra không xác minh được tài liệu thể hiện bị cáo đã thi hành phần án phí của bản án này do việc lưu trữ của các cơ quan không đầy đủ. Mặc dù bị cáo được xác định là chấp hành xong toàn bộ bản án và coi là đương nhiên xóa án nhưng bị cáo đã từng bị xét xử nên không được áp dụng tinh tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 02/8/2000 Nguyễn Đức H bị Chủ tịch UBND huyện Tiên Du xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức phạt tiền 500.000đ, bị cáo đã nộp số tiền phạt 500.000đ nên không bị coi là tiền sự. Bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Các bị cáo Q, H và T đều có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo Q, H, T cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tất cả 05 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về tội lỗi của mình nên các bị cáo cùng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo M có thời gian phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam bị cáo được áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo, HĐXX thấy chưa cần thiết cách ly các bị cáo M, H ra khỏi xã hội, cho các bị cáo M, H hưởng lượng khoan hồng của pháp luật được cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo này như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đối với bị cáo Q, H và T chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ giúp các bị cáo suy ngẫm cải tạo thành công dân tốt

Về vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 11.552.000 đồng cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 05 chiếc điện thoại di động đã thu giữ của các bị cáo. Các bị cáo đã sử dụng liên lạc rủ nhau đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave RSX, BKS: 99C1 - 067.65 mà T sử dụng đi đến nhà M đánh bạc. Quá trình điều tra đã làm rõ, chiếc xe trên T

mượn của con dâu là chị Nguyễn Thị Lương, sinh năm 1993, ở H, xã L, huyện T. Chị L không biết T mượn để đi đánh bạc. Ngày 04/01/2018, Cơ quan CSĐT đã Quyết định trả chiếc xe trên cho chị L là phù hợp.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức H, Nguyễn Đức Q, Nguyễn Sỹ H và Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”

2. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Văn M 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo M, H cho UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo M, H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Đức Q, Nguyễn Sỹ H và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo 7.000.000đồng sung quỹ nhà nước, buộc các bị cáo phải nộp số tiền phạt một lần.

5. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 11.552.000đ và 05 chiếc điện thoại di động thu của 05 bị cáo gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Grand Prime, vỏ dán màu trắng, số IMEI: 354621076272561, màn hình bị nứt, kèm theo 01 sim Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu đen, số IMEI:

013408004758371, kèm theo 01 sim Vinaphone; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, số IMEI:013631006862558, kèm theo 01 sim Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, màu trắng, mặt sau vỏ điện thoại có in chìm IMEI: 354621076272561, kèm theo 01 sim Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar B247, vỏ màu đen, IMEI: 352247020344413, kèm theo 01 sim Vinaphone.

Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài chắn, mỗi bộ có 100 quân bài, 01 bộ bài mặt sau màu trắng; 01 bộ bài mặt sau màu sọc xanh; 01 đĩa sứ màu trắng có đường kính 15cm; 01 chiếu thảm vải màu vàng, kích thước (2.06 x 2.7)m

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND, THA huyện
- Người tham gia tố tụng
- Lưu HS, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhàn